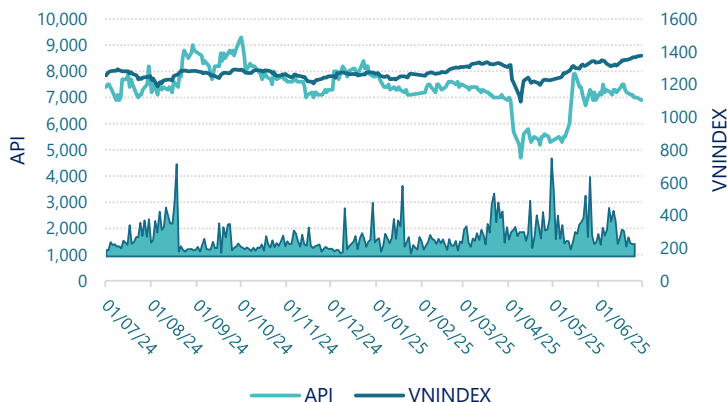


CTCP Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (HNX: API)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	84,083,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	547,385
% sở hữu nước ngoài	2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	580
P/E	123.4
EPS	56

DT thuần

Q2/25

83.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.8 | 35.2%

YoY: ▲ 23.4 | 38.8%

LN sau thuế

Q2/25

6.42

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.4 | 193%

YoY: ▲ 18.9 | 151%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

30.4%

+/- YoY: ▲ 25.9%

DT thuần

6T 2025

146

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 50.8 | 53.0%

LN sau thuế

6T 2025

-0.50

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 23.8 | 97.9%

ROE

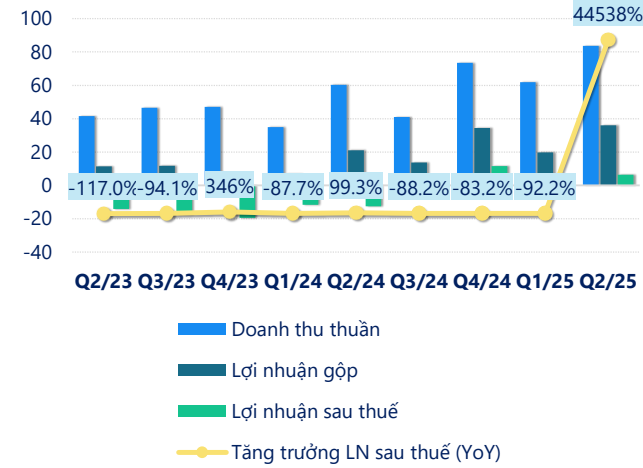
Q2/25

0.5%

+/- YoY: ▲ 7.2%

tỷ VNĐ

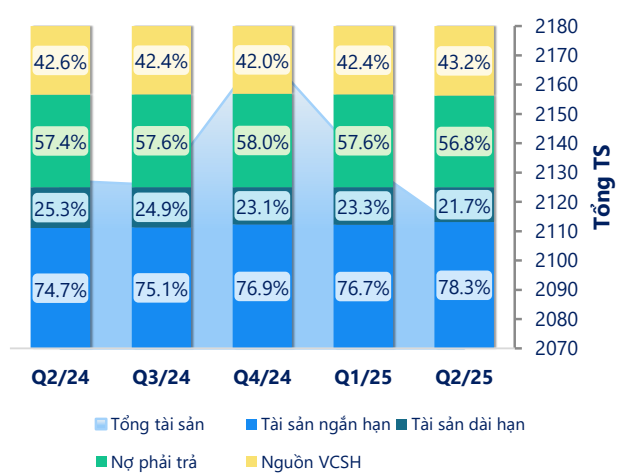
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

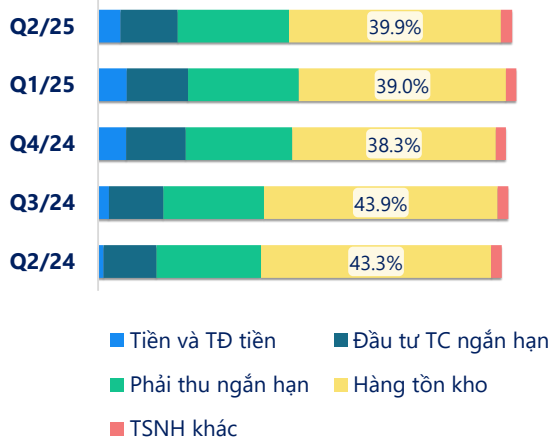
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



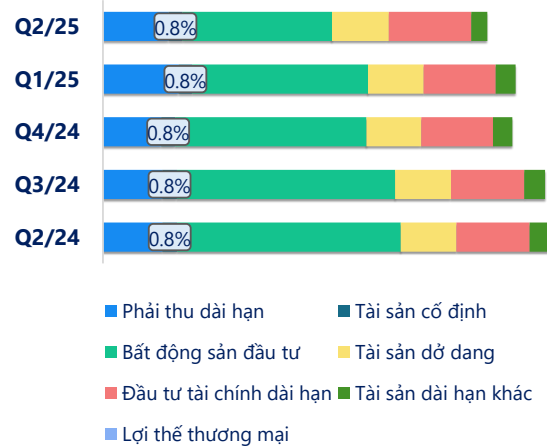
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

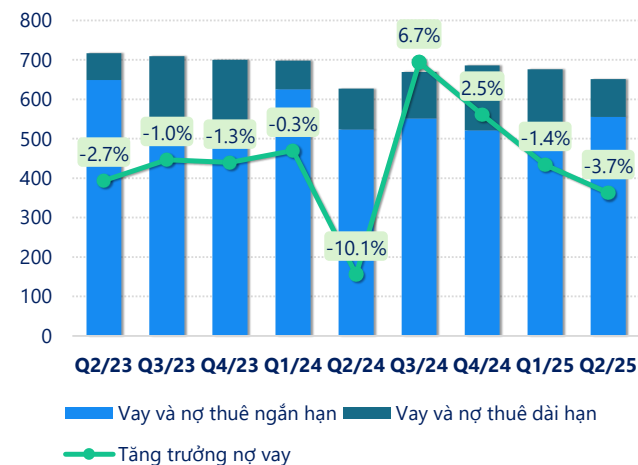
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

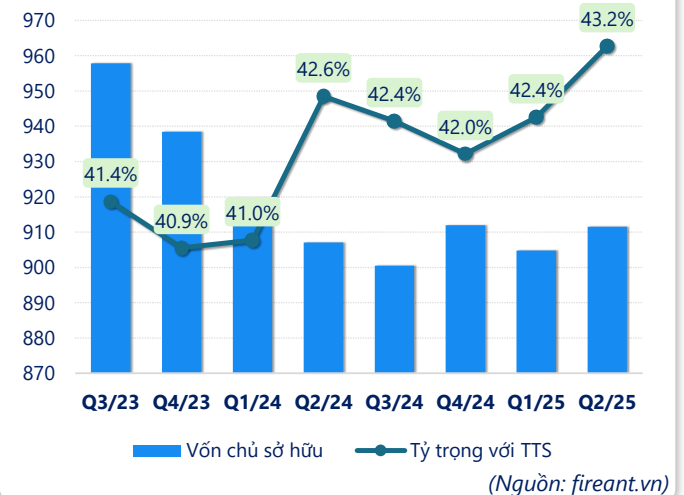
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

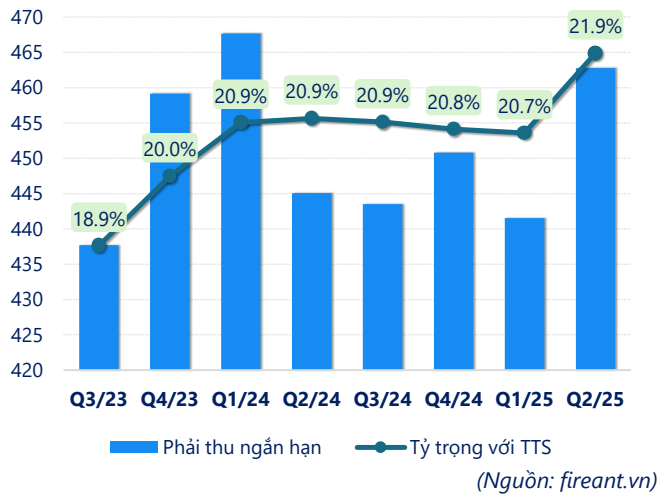
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

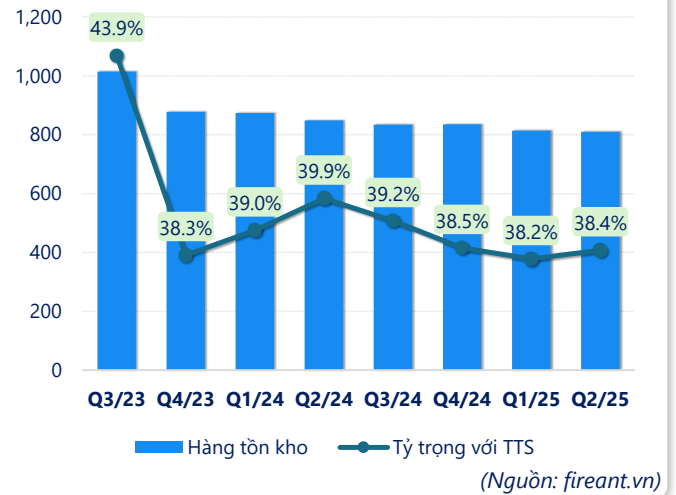


(Nguồn: fireant.vn)

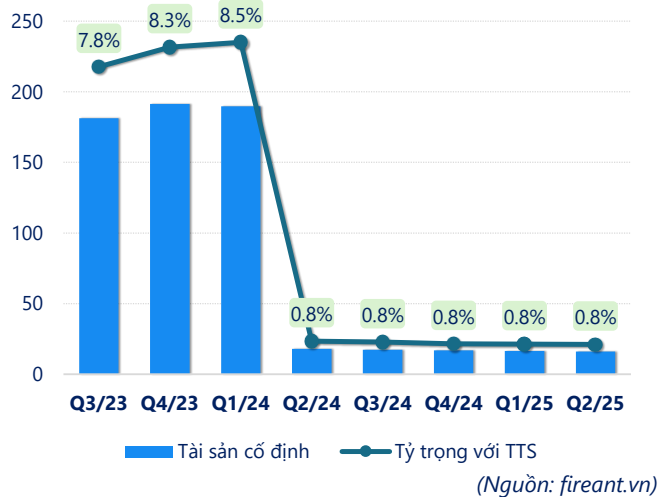
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


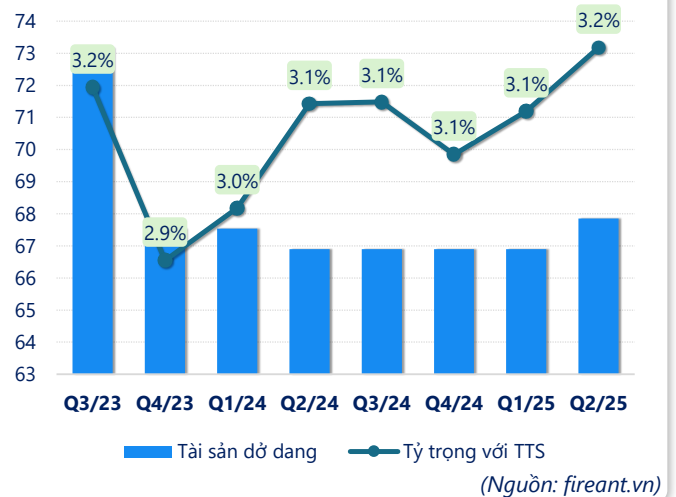
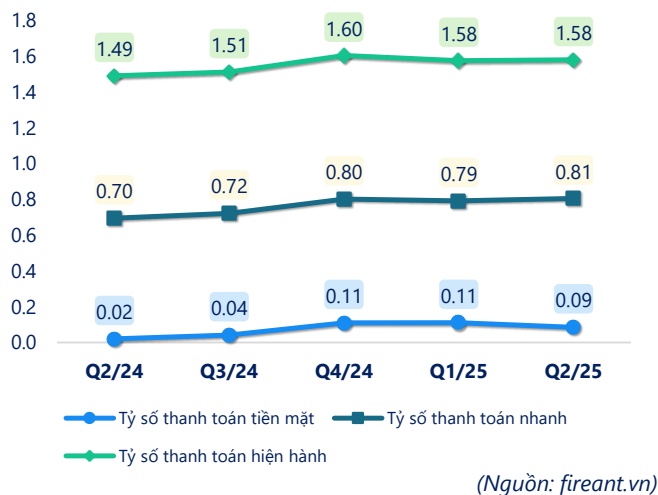
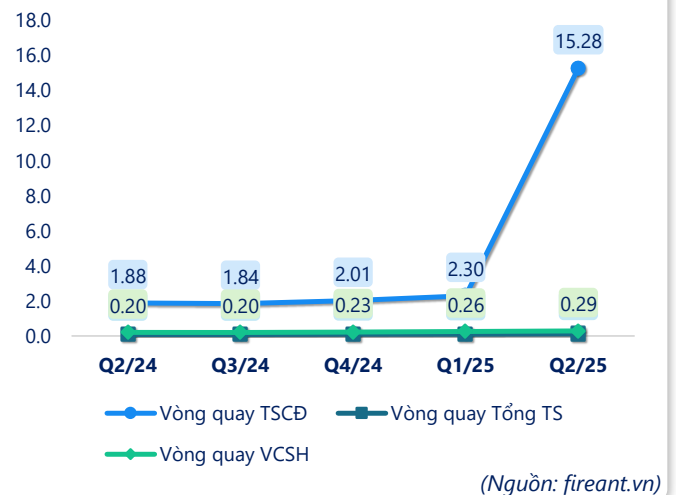
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,127	2,126	2,172	2,134	2,110
Tài sản ngắn hạn	1,589	1,596	1,670	1,637	1,652
Tiền và tương đương tiền	21.7	43.8	114	115	89.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	229	231	233	232	256
Phải thu ngắn hạn	445	443	451	442	463
Hàng tồn kho	848	834	835	814	810
Tài sản ngắn hạn khác	45.2	43.6	37.1	34.4	34.0
Tài sản dài hạn	539	530	502	497	457
Phải thu dài hạn	71.1	71.1	71.4	91.0	78.2
Tài sản cố định	18.0	17.4	16.9	16.4	16.0
Bất động sản đầu tư	268	262	235	212	178
Tài sản dở dang	66.9	66.9	66.9	66.9	67.9
Đầu tư tài chính dài hạn	87.9	87.8	87.9	86.6	97.8
Tài sản dài hạn khác	26.6	24.9	23.8	24.2	19.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,220	1,225	1,260	1,229	1,198
Nợ ngắn hạn	1,066	1,055	1,041	1,039	1,046
Vay và nợ thuê ngắn hạn	524	551	521	541	556
Phải trả người bán ngắn hạn	105	93.5	87.7	77.4	76.4
Nợ dài hạn	155	170	219	190	152
Vay và nợ thuê dài hạn	104	118	165	135	95.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	907	900	912	905	912
Vốn chủ sở hữu	907	900	912	905	912
Vốn điều lệ	841	841	841	841	841
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)